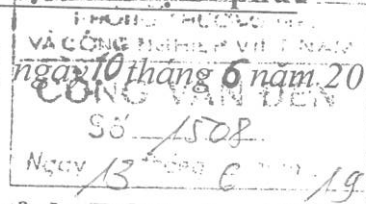


Số: 140/KH-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 10 tháng 6 năm 2019



**KẾ HOẠCH**

**Nâng hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2019**

**I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ XẾP HẠNG NĂNG LỰC CẠNH TRANH (PCI) CỦA TỈNH NĂM 2018**

**1. Kết quả vị trí xếp hạng, điểm số PCI Thừa Thiên Huế 2018**

Năm 2018, điểm số PCI của tỉnh Thừa Thiên Huế tăng 1,14 điểm từ 62,37 lên 63,51 điểm; xếp hạng năng lực cạnh tranh của tỉnh đứng thứ 30/63 tỉnh, thành, giảm 01 bậc so với năm 2017 nhưng nằm trong “Nhóm khá” của cả nước so với “Nhóm trung bình” như năm trước. Chi tiết điểm số các chỉ số thành phần so với năm trước như sau:

Chỉ số	Điểm số			Xếp hạng		
	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/giảm (+/-)	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/giảm (+/-)
Gia nhập thị trường	7,93	8,50	0,57	26	1	25
Tiếp cận đất đai	6,46	7,07	0,61	25	15	10
Tính minh bạch	6,53	6,95	0,42	16	1	15
Chi phí thời gian	6,41	5,92	-0,48	34	54	-20
Chi phí không chính thức	5,68	5,90	0,23	20	36	-16
Cạnh tranh bình đẳng	4,44	4,96	0,52	51	53	-2
Tính năng động	5,81	5,34	-0,47	23	48	-25
Dịch vụ Hỗ trợ doanh nghiệp	5,69	5,88	0,19	58	55	3
Đào tạo lao động	6,86	6,30	-0,56	17	35	-18
Thiết chế pháp lý	6,00	6,86	0,86	29	7	22
<b>PCI</b>	<b>62,37</b>	<b>63,51</b>	<b>1,14</b>	<b>29</b>	<b>30</b>	<b>-1</b>

## 2. Phân tích kết quả vị trí xếp hạng:

Trong 10 chỉ số thành phần của PCI năm 2018 của tỉnh Thừa Thiên Huế, có 07 chỉ số thành phần tăng điểm và 03 chỉ số thành phần giảm điểm. Tuy nhiên chỉ có **05 chỉ số thành phần tăng bậc xếp hạng** còn lại 05 chỉ số giảm bậc xếp hạng. Cụ thể:

Có **05 chỉ số thành phần tăng vị trí xếp hạng** gồm:

- Chỉ số *Gia nhập thị trường* xếp thứ 01/63, tăng 25 bậc.
- Chỉ số *Tiếp cận đất đai* xếp thứ 15/63, tăng 10 bậc.
- Chỉ số *Tính minh bạch* xếp thứ 01/63, tăng 15 bậc.
- Chỉ số *Dịch vụ Hỗ trợ doanh nghiệp* xếp thứ 55/63, tăng 03 bậc.
- Chỉ số *Thiết chế pháp lý* xếp thứ 07/63, tăng 22 bậc.

Và **05 chỉ số thành phần giảm vị trí xếp hạng**, cụ thể:

- Chỉ số *Chi phí thời gian* xếp thứ 54/63, giảm 20 bậc.
- Chỉ số *Chi phí không chính thức* xếp thứ 36/63, giảm 16 bậc.
- Chỉ số *Cạnh tranh bình đẳng* xếp thứ 53/63, giảm 02 bậc.
- Chỉ số *Tính năng động* xếp thứ 48/63, giảm 25 bậc.
- Chỉ số *Đào tạo lao động* xếp thứ 35/63, giảm 18 bậc.

### 2.1. Phân tích các chỉ số tăng hạng:

Trong 05 chỉ số thành phần tăng hạng năm 2018 có 03 chỉ số giảm bậc trong năm 2017 gồm: Chỉ số *Gia nhập thị trường*; Chỉ số *Tiếp cận đất đai*; Chỉ số *Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp*. Cả 03 chỉ số này đều đã được cải thiện, cụ thể các chỉ số trên lần lượt tăng 25, 10 và 03 bậc. Như vậy, những nỗ lực của tỉnh trong việc triển khai các giải pháp nhằm cải thiện vị trí xếp hạng các chỉ số giảm bậc trong năm 2017 đã phát huy hiệu quả và đã được cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận; trong đó Chỉ số *Gia nhập thị trường* được cải thiện đáng kể nhất, tăng 25 bậc. Với số ngày đăng ký doanh nghiệp, số ngày thay đổi đăng ký doanh nghiệp được rút ngắn đáng kể, thủ tục được niêm yết công khai, cùng cán bộ hướng dẫn rõ ràng, thân thiện đã đưa tỉnh Thừa Thiên Huế tiến lên dẫn đầu cả nước về chỉ số này.

Chỉ số PCI năm nay cũng ghi nhận những nỗ lực của tỉnh trong công tác xây dựng môi trường công khai, minh bạch về các thông tin quy hoạch, mời thầu, cung cấp nhanh chóng các tài liệu cần thiết cho doanh nghiệp, các Hiệp hội doanh nghiệp cũng phần nào phát huy được vai trò trong việc góp ý, xây dựng các chính sách của tỉnh thông qua việc tăng từ vị thứ 16 lên đứng đầu cả nước về chỉ số *Tính minh bạch*.

Chỉ số *Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp* dù tăng 0,19 điểm và tăng 03 bậc, tuy nhiên, vị trí xếp hạng vẫn nằm trong nhóm cuối của cả nước. Lý do là số hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong những năm vừa qua rất thấp; số doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tư nhân và FDI thấp và đặc biệt doanh nghiệp vẫn còn rất hoài nghi về chất lượng các dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường, dịch vụ tư vấn pháp luật, dịch vụ tìm kiếm đối tác kinh doanh, dịch vụ xúc tiến thương mại, dịch vụ liên quan tới công nghệ, dịch vụ đào tạo về kế toán tài chính và dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh của các nhà cung cấp tư nhân. Chính vì vậy, mặc dù tỷ lệ doanh nghiệp từng sử dụng dịch vụ cũng như có ý định sẽ tiếp tục sử dụng các dịch vụ đó tăng lên nhưng số doanh nghiệp sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho các dịch vụ trên lại giảm mạnh.

## 2.2. Phân tích các chỉ số giảm vị trí xếp hạng:

Trong 05 chỉ số giảm bậc, có 02 chỉ số tăng điểm là *Chi phí không chính thức*, tăng 0.23 điểm nhưng giảm 16 bậc; *Cạnh tranh bình đẳng*, tăng 0.52 điểm nhưng giảm 02 bậc – điều này thể hiện tỉnh Thừa Thiên Huế cũng đã có nhiều động thái trong cải thiện các chỉ số này, tuy nhiên nhìn nhận một cách khách quan, các tỉnh, thành khác đã có các hoạt động cải thiện tốt hơn.

03 chỉ số *Chi phí thời gian*, *Tính năng động* và *Đào tạo lao động* với mức giảm bậc lần lượt là 20, 25, 18 (mức giảm điểm lần lượt là 0,48 là 0.47 và 0.56). Trong đó cảm nhận của doanh nghiệp về thời gian thực hiện TTHC vẫn chưa được rút ngắn hơn so với quy định, số thời gian làm việc với thanh, kiểm tra thuế vẫn tiếp tục tăng cao; Lãnh đạo tỉnh có chủ trương đúng đắn nhưng việc thực thi ở cấp huyện/thị thì vẫn chưa được thực hiện tốt, những vướng mắc của doanh nghiệp vẫn chưa được tháo gỡ một cách kịp thời; Giáo dục phổ thông, giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng chưa cao, tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm tỷ lệ thấp...

## II. MỤC TIÊU VÀ TRÁCH NHIỆM TRONG NÂNG CAO VỊ TRÍ XẾP HẠNG PCI NĂM 2019

### 1. Mục tiêu

#### 1.1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021.

Cải thiện vị trí xếp hạng PCI của tỉnh thuộc vào “Nhóm tốt” hoặc nhóm trên của “Nhóm khá”.

## 1.2. Mục tiêu cụ thể

Cải thiện vị trí xếp hạng của tất cả các chỉ số thành phần cụ thể như sau:

Chỉ số	Xếp hạng		
	Năm 2017	Năm 2018	Mục tiêu năm 2019
Gia nhập thị trường	26	1	Duy trì vị trí dẫn đầu
Tiếp cận đất đai	25	15	Phần đầu nằm trong top 10
Tính minh bạch	16	1	Duy trì vị trí dẫn đầu
Chi phí thời gian	34	54	Phần đầu nằm trong top 30
Chi phí không chính thức	20	36	Phần đầu nằm trong top 20
Cạnh tranh bình đẳng	51	53	Phần đầu nằm trong top 30
Tính năng động	23	48	Phần đầu nằm trong top 20
Dịch vụ Hỗ trợ doanh nghiệp	58	55	Phần đầu nằm trong top 30
Đào tạo lao động	17	35	Phần đầu nằm trong top 20
Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự	29	7	Phần đầu nằm trong top 5
<b>PCI</b>	<b>29</b>	<b>30</b>	<b>Phần đầu nằm trong top 20</b>

## 2. Phân công trách nhiệm cải thiện các chỉ số năng lực cạnh tranh

Stt	Chỉ số	Đơn vị chủ trì
1	Gia nhập thị trường	Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	Tiếp cận đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường
3	Tính minh bạch	Văn phòng UBND tỉnh
4	Chi phí thời gian	Cục Thuế tỉnh
5	Chi phí không chính thức	Sở Nội vụ

6	Cạnh tranh bình đẳng	Sở Kế hoạch và Đầu tư
7	Tính năng động	Văn phòng UBND tỉnh
8	Dịch vụ Hỗ trợ doanh nghiệp	Sở Công thương
9	Đào tạo lao động	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
10	Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự	Sở Tư pháp

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các cơ quan, đơn vị chủ trì từng chỉ số thành phần chủ động xây dựng Kế hoạch triển khai nhằm cải thiện vị trí xếp hạng, định kỳ 06 tháng (trước ngày 15/06 và 15/12) báo cáo kết quả triển khai nhiệm vụ được phân công thực hiện gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./.

#### **Nơi nhận:**

- TV Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc UBND Tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm soát;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn;
- Phòng TM&CN Việt Nam (VCCI);
- VP: CVP và PCVP;
- Lưu VT, XD.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phan Ngọc Thọ**

